

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày: 04-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lê Thị Hạnh

+ Ông Phạm Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Anh D, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1989, tại Đ, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh, tiếp thị mì gói;

Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Văn L, sinh năm 1967 và bà Võ Thị Mỹ L1, sinh năm 1969;

Vợ: Lê Thị Thu H, sinh năm 1990;

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/9/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1935 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Ngô Tấn Q, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. Ông Ngô Tấn V, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Ông Lê Văn B1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

4. Ông Lê Thanh N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Trần Ngọc H1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 13/7/2024, Trần Anh D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76F2-0873 di chuyển theo hướng từ Tây sang Đông trên làn đường xe cơ giới phía Nam, thuộc phần đường phía Nam Quốc lộ B. Khi đến đoạn Km số 02, thuộc thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, Trần Anh D quay mặt nhìn sang phía Bắc Quốc lộ B, nơi gia đình ông Trần Ngọc H1 đang tổ chức hát karaoke, đến khi D quay mặt lại nhìn về phía trước thì phát hiện thấy bà Nguyễn Thị B đang đi bộ qua đường theo hướng Bắc – N1 và bà B đã đi đến làn đường xe cơ giới phía Nam, thuộc phần đường phía Nam Quốc lộ B. Do khoảng cách quá gần nên D không điều khiển xe xử lý, lách tránh kịp, dẫn đến va chạm vào bà Nguyễn Thị B, làm cho xe và người cùng ngã xuống đường. Hậu quả bà B đã chết trên đường đưa đi cấp cứu, còn Trần Anh D bị thương nhẹ, được đưa về nhà sơ cứu vết thương.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường:

- V1 là vết xước mặt đường không liên tục dài 3,8m, đầu phía Tây của vết này cách lề đường phía Nam 2,65m, đầu phía Đông cách lề đường phía Nam 2,4m. Đây là dấu vết để lại do xe mô tô biển kiểm soát 76F2-0873 ngã xuống đường, trượt tới. Như vậy, khu vực tai nạn là phần đường cơ giới phía Nam của phần đường phía Nam Quốc lộ B.

- Khoảng cách từ nhà ông Trần Ngọc H1 đến vết V1 là 26,4m theo hướng T - Đ. Đây là quãng đường bà Nguyễn Thị B đã di chuyển trước khi bị tai nạn.

* Kết quả khám nghiệm phương tiện: Khám nghiệm xe mô tô biển kiểm soát 76F2-0873 của Trần Anh D ghi nhận các dấu vết trầy xước ở nhiều bộ phận bên trái thân xe, riêng bửng chắn gió bên phải bị bể vỡ.

* Kết luận giám định pháp y về tử thi số 89/KLGĐTT-TTPY ngày 18/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Q, kết luận nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị B là chấn thương sọ não.

* Về vị trí va chạm, tốc độ và cơ chế hình thành dấu vết: Tại Kết luận giám định số 734/KL-KTHS ngày 21/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: Không đủ cơ sở kết luận điểm va chạm đầu tiên trên phương tiện và vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa xe mô tô 76F2-0837 với nạn nhân Nguyễn Thị B; không đủ cơ sở kết luận tốc độ của xe mô tô 76F2-0837 tại thời điểm trước và trong khi xảy ra tai nạn.

* Kết luận giám định số 737/KL-KTHS ngày 19/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q về giám định dữ liệu điện tử đã trích xuất 10 hình ảnh từ video thu được trong camera nhà ông Trần Ngọc H1 thể hiện các hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn giao thông.

* Về điều kiện lái xe của Trần Anh D: Tại Công văn số 2876/SGTVT-QLPT&NL ngày 26/8/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Q xác nhận: Sở G đã cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho Trần Anh D ngày 27/7/2009.

* Kết quả kiểm tra nồng độ cồn và test nhanh ma túy đối với Trần Anh D thể hiện không có nồng độ cồn và âm tính với ma túy.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKS-ĐP ngày 21/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Trần Anh D về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Anh D phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Anh D từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo Trần Anh D đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 40.000.000đồng; người đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Trần Anh D 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Anh D (kèm theo hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự,

thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Anh D và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra; đồng thời, người đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại, không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên việc vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ theo quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Anh D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, các kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 13/7/2024, Trần Anh D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76F2-0873 di chuyển theo hướng từ Tây sang Đông trên làn đường xe cơ giới phía Nam, thuộc phần đường phía Nam Quốc lộ B. Khi đến đoạn Km số 02, thuộc thôn H, xã P, thị xã Đ, Trần Anh D không chú ý quan sát về phía trước mà quay mặt nhìn sang phía Bắc, đến khi D quay mặt lại nhìn về phía trước thì phát hiện thấy bà Nguyễn Thị B đang đi bộ qua đường theo hướng Bắc – Nam, nhưng do khoảng cách quá gần, D không xử lý, lách tránh kịp, dẫn đến xe mô tô của D đang điều khiển va chạm vào bà Nguyễn Thị B. Hậu quả, làm cho bà B chết trên đường đưa đi cấp cứu.

[4] Xét hành vi của bị cáo Trần Anh D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Trần Anh D là công dân Việt Nam, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình; bị cáo đã được Sở G cấp giấy phép lái xe hạng A1 vào ngày 27/7/2009, có giá trị không thời hạn nên đủ điều kiện điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76F2-0873 tham gia giao thông đường bộ. Tuy nhiên, ngày 13/7/2024, khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông trên Quốc lộ B (đoạn qua thôn H, xã P, thị xã Đ), bị cáo đã không chú ý quan sát về phía trước nên không phát hiện thấy bà Nguyễn Thị B đang đi bộ qua đường, dẫn đến xe của bị cáo đang điều khiển tông vào bà B, làm cho bà B chết.

[5] Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Anh D đã vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8, điểm e khoản 3 Điều 30 của Luật giao thông đường bộ; vi phạm điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP/30/12/2019 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 123/2021/NĐ-CP/28/12/2021 của Chính phủ. Hành vi vi phạm của bị cáo Trần Anh D được thực hiện với lỗi vô ý, hậu quả làm chết 01 người nên đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm

sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố bị cáo Trần Anh D về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6] Hành vi của bị cáo Trần Anh D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo trong việc chấp hành pháp luật, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Anh D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Anh D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại 40.000.000đồng; người đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại về dân sự và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; ngoài ra, trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi do có hành vi vượt dải phân cách để qua đường. Vì vậy, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[8] Xét thấy, bị cáo Trần Anh D có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu với lỗi vô ý; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng; trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[9] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo Trần Anh D làm nhân viên kinh doanh, thu nhập không ổn định và hiện đang nuôi 02 con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do nghề nghiệp, công việc của bị cáo Trần Anh D không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[11] Đối với hành vi vượt qua dải phân cách của bà Nguyễn Thị B: Ngày 13/7/2024 bà Nguyễn Thị B có hành vi vượt qua dải phân cách để qua đường là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật giao thông đường bộ nhưng bà B đã chết nên không xem xét xử lý.

[12] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo Trần Anh D đã bồi thường cho gia đình bị hại 40.000.000đồng; người đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại về dân sự, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76F2-0873. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Trần Anh D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã trả lại cho bị cáo D là phù hợp.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Anh D (đã được chuyển sang Tòa án kèm theo hồ sơ vụ án). Do Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo Trần Anh D nên trả lại giấy phép lái xe nêu trên cho bị cáo D.

[14] Về án phí: Bị cáo Trần Anh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[16] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Anh D phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Xử phạt bị cáo Trần Anh D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo Trần Anh D.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Anh D.

Giao bị cáo Trần Anh D cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Trần Anh D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Trần Anh D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100, Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Trần Anh D phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Trần Anh D 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: AK 352530, mang tên Trần Anh D, sinh năm 1989, do Sở G cấp ngày 27/7/2009 (đã

được chuyển sang Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi kèm theo hồ sơ vụ án).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Anh D phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Trần Anh D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- CQCSĐT Công an thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Đức Phổ;
- Phòng NVLT Công an thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong